

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2021
V/v ly hôn giữa chị H và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát
2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên;

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 24/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Văn N**, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Văn N vào năm 2017, trước khi cưới có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, tự nguyện thỏa thuận kết hôn, không bị ai cưỡng ép, lừa dối. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là

xã V), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang vào ngày 03/7/2017. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh N làm dâu, chung sống cùng gia đình anh N. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng từ tháng 12 năm 2020, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh N được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Anh D, sinh ngày 15/9/2017. Hiện cháu D đang ở cùng chị. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

2. Bị đơn là anh Vũ Văn N hiện đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại thôn L, xã V, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; nhưng anh N thường xuyên đi làm vắng nhà nên Tòa án không thể giao trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh N được, mẹ đẻ anh N là bà Nguyễn Thị Th nhận thay, đã điện thoại thông báo cho anh N biết, khi anh N về nhà, bà đã giao lại cho anh N, nhưng anh N không cung cấp ý kiến bằng văn bản, cũng không chấp hành đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của anh N.

3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành tốt và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định. Anh Vũ Văn N là bị đơn không cung cấp lời khai, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn N, giao cháu Vũ Anh D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con; không đặt ra xem xét, giải quyết quan hệ về tài sản; chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn anh Vũ Văn N, có địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Vũ Văn N có nơi cư trú rõ ràng, nhưng anh N cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập và yêu cầu của Tòa án; có cơ sở xác định anh N đã nhận được hoặc biết được các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án. Do anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn N kết hôn với nhau từ tuân theo các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 – Luật Hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Sơn Động vào ngày 03/7/2017. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hợp pháp; nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi dưỡng con chung, Tòa án thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị H yêu cầu ly hôn anh N với lý do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau, chị xác định vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 12 năm 2020 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù Tòa án không lấy được lời khai của anh N, nhưng căn cứ vào lời khai của chị H, bà Th (mẹ đẻ anh N), kết quả xác minh tại địa phương, có đủ cơ sở khẳng định chị H và anh N đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nghĩa vụ chung sống với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh N có một con chung là cháu Vũ Anh D, sinh ngày 15/9/2017, hiện đang ở cùng chị H. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi chị H, anh N sống ly thân, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D; chị H là công nhân của Công ty SAMSUNG DISPLAY

ở Khu công nghiệp huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, có mức thu nhập ổn định, bình quân từ 10.000.000đ- 13.000.000đ/tháng, chị H còn được bố mẹ để giúp chăm sóc con khi chị đi làm nên đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Anh N thường xuyên vắng nhà, hiện chưa xác định được công việc, mức thu nhập của anh N nên không đảm bảo điều kiện để nuôi con. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Anh D để đảm bảo cho cháu D có điều kiện phát triển tốt nhất.

[4] Về án phí: Chị H yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 6 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn N.

2. Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Anh D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2017;

Anh Vũ Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/007312 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động; chị H không phải nộp án phí nữa.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND xã V
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hằng